

Nước Đại Việt bảo vệ chủ quyền lãnh hải dưới các vương triều Lý, Trần

Đỗ Danh Huân *

Tóm tắt: Hai vương triều Lý, Trần (thế kỷ XI - XIV) bên cạnh những thành tựu về xây dựng đất nước (trên các mặt, như: tổ chức nhà nước, phát triển kinh tế, xã hội, tạo lập nền văn hóa dân tộc, xây dựng quân đội và mở rộng lãnh thổ chủ quyền) đã có tầm nhìn về biển và ý thức bảo vệ chủ quyền lãnh hải. Tư duy hướng biển của hai vương triều này so với các triều đại quân chủ sau này trong lịch sử Việt Nam tuy còn chưa mang tính “chuyên nghiệp”, nhưng cũng cho phép chúng ta khẳng định rằng: ý thức về lãnh hải và bảo vệ chủ quyền lãnh hải đã được hai vương triều Lý, Trần bước đầu xác lập và triển khai, đó cũng là cơ sở để khẳng định thêm rằng lịch sử xác lập và bảo vệ chủ quyền lãnh hải của Việt Nam đã hình thành từ thời Lý, Trần để sau này đến thời chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn cái nhìn về biển của các triều đại quân chủ Việt Nam được thực thi một cách rõ nét và thực sự đã xác lập quyền quản lý của nhà nước trung ương đối với vùng biển.

Từ khóa: Nước Đại Việt; chủ quyền lãnh hải; bảo vệ chủ quyền lãnh hải; vương triều Lý, Trần.

1. Đặt vấn đề

Vương triều Lý trị vì đất nước kéo dài 216 năm (1009 - 1125), trải qua 9 đời vua, là triều đại quân chủ đầu tiên trong lịch sử dân tộc Việt Nam được tổ chức và xây dựng hoàn bị trên mọi phương diện, như: pháp luật, văn hóa, giáo dục, tư tưởng, quân đội, bộ máy nhà nước, tổ chức và quản lý lãnh thổ... Năm 1010, sau khi vua Lý Thái Tổ cho dời Kinh đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) ra Thăng Long (Hà Nội), kể từ đây vương triều Lý bắt đầu đặt nền móng cho việc phát triển đất nước một cách toàn diện. Tháng 12 năm 1225, vương triều Trần thay triều Lý và trị vì đất nước đến năm 1400. Kế tục những thành tựu trên hầu khắp các lĩnh vực mà triều Lý đã gây dựng, triều Trần cũng ra sức củng cố đất nước trên mọi phương diện, để không ngừng đưa quốc gia Đại Việt

ngày càng cường thịnh, sánh ngang với các quốc gia khác trong khu vực Đông Nam Á. Một trong những nhiệm vụ quan trọng đã được hai vương triều này thực thi đó là xây dựng và bảo vệ đất nước, đặc biệt là bảo vệ lãnh thổ chủ quyền, trong đó có vùng lãnh hải đã được hai vương triều Lý, Trần quan tâm từ rất sớm.

Nước Việt Nam dưới hai vương triều Lý, Trần (thế kỷ XI - XIV) được gọi là Đại Việt, đã có một không gian biển rộng lớn, chính vì vậy, ngoài những nhiệm vụ và chính sách để quản lý và mở rộng phạm vi chủ quyền trên đất liền, thì hai vương triều này đã có những động thái cụ thể để tỏ rõ

(*) Thạc sĩ, Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. ĐT: 0983177910.
Email: dohuan@gmail.com.

việc xác lập và làm vững chắc thêm chức năng quản lý cũng như vai trò của nhà nước trung ương đối với phạm vi lãnh hải mà mình sở hữu.

2. Bảo vệ chủ quyền lãnh hải dưới vương triều Lý

Để tạo cơ sở tốt cho việc thực thi công việc quản lý chủ quyền lãnh hải, vương triều Lý đã xuống chiếu hay ban lệnh và cho đóng nhiều tàu thuyền, các tàu thuyền này sẽ tham gia đắc lực vào các công việc, như: tuần tra vùng sông nước nội địa, tham gia lực lượng thủy quân, vận chuyển hàng hóa... trong số đó có nhiệm vụ quan trọng là tuần tra và kiểm soát vùng lãnh hải. Sử sách cho biết rất rõ việc nhà Lý đã cho đóng thuyền vào nhiều năm dưới nhiều đời vua khác nhau: Vua Lý Thái Tông (ở ngôi từ 1028 đến 1054) đã cho đóng thuyền *Vạn An* năm 1034 [3, tr.257], đóng các thuyền *Vĩnh Xuân* và *Nhật Quang* năm 1037 [3, tr.259], năm 1043 “xuống chiếu sai đóng các thuyền *Long, Phượng, Ngư, Xà, Hồ, Báo*” [3, tr.265]. Vua Lý Nhân Tông (ở ngôi từ 1072 đến 1127), năm 1119 cho đóng hai chiếc thuyền *Cánh Hưng* và *Thanh Lan*, năm 1124 cho đóng thuyền *Tường Quang* [3, tr.292]. Vua Lý Thần Tông (ở ngôi từ 1128 đến 1138) đã cho đóng 3 thuyền *Nhật Đỉnh, Thanh Lan, Diên Minh* năm 1135 [3, tr.308]. Tiếp theo, vua Lý Anh Tông (ở ngôi từ 1138 đến 1175) cũng đã cho đóng thuyền *Vĩnh Long, Thanh Lan, Trường Quyết, Phụng Tiên* năm 1147 [3, tr.316], đến năm 1154, lại cho đóng thuyền *Vĩnh Chương*. Những vua cuối cùng của triều Lý như vua Lý Cao Tông (ở ngôi từ 1176 đến 1210 tiếp tục cho đóng thuyền *Ngoạn Dao* năm 1190 và thuyền *Thiên Long* năm 1194.

Như vậy, trong số 9 vị vua trị vì vương triều Lý, thì có tới 5 vị vua luôn quan tâm tới việc đóng thuyền, các thuyền này tham

gia vào nhiệm vụ xây dựng bảo vệ tổ quốc, trong đó có công tác tuần tra, quản lý vùng lãnh hải.

Dưới triều vua Lý Anh Tông, vương triều Lý đã có nhiều biện pháp cụ thể để tăng cường việc kiểm soát vùng lãnh hải. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: “Tân Tỵ, niên hiệu Đại Định thứ 22 (1161). Tháng 11, vua sai Tô Hiến Thành làm Đô tướng, Đỗ An Di làm phó, đem 2 vạn quân đi tuần các nơi ven biển Tây Nam, để giữ yên miền biên giới. Vua đích thân đi tiễn đến cửa biển Thần Đầu ở Đại An (nay là cửa biển Thần Phù) (Cửa biển Thần Phù ngày nay tương đương với vùng giáp giới giữa hai tỉnh Ninh Bình và Thanh Hóa) mới trở về” [3, tr.323].

Nếu căn cứ vào chính sử, thì đây có thể được xem là lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, ý thức về biển hay vai trò và vị thế của biển đối với quốc gia Đại Việt đã được vương triều Lý nhận thức một cách rõ ràng với tư cách là một chính thể của lãnh thổ quốc gia. Nhà nước đã cử lực lượng quân đội tham gia đắc lực vào công tác này, điều đó càng cho thấy vai trò tối cao của nhà nước trung ương cũng như lực lượng quân đội đã thực hiện sứ mệnh cao cả nhất của mình, đó là đảm bảo an ninh đất nước và toàn vẹn lãnh thổ. Nước Đại Việt thời Lý có vùng lãnh hải cũng như bờ biển được kéo dài từ tỉnh Quảng Ninh đến các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình hiện nay, tương đương với chiều dài lãnh thổ của nước Đại Việt khi đó (sau này đến thời Trần, Lê và Nguyễn, lãnh thổ nước ta mới được mở rộng dần vào phía nam và có hình hài như hiện nay). Chính vì vậy mà việc nhà Lý đi tuần tra các nơi ven biển phía tây nam, đồng nghĩa với vùng biển phía nam của Vịnh Bắc Bộ ngày nay đã được nhà Lý xác lập và quản lý.

Mười năm sau, đến năm 1171, vua Lý Anh Tông đích thân đi tuần tra vùng lãnh hải. “Tân Mão, niên hiệu Chính Long Bảo Ứng thứ 9 (1171). Vua đi tuần các hải đảo, xem các hình thế núi sông, muốn biết dân tình đau khổ và đường đi xa gần thế nào” [3, tr.324].

Các vị vua dưới các triều Lý, Trần, Lê, ngoài vai trò ngự trên ngai vàng để chỉ đạo các bá quan văn võ, cai trị đất nước, thì trong một số trường hợp cụ thể, họ còn tham gia vào những trận đánh lớn, trực tiếp đi tuần hành các vùng biên giới và nắm bắt đời sống nhân dân. Điều này cho thấy một ý thức trách nhiệm và quyết tâm của các vị minh quân trong việc gìn giữ giang sơn gấm vóc. Vua Lý Anh Tông đã đi tuần các hải đảo, xem hình thế núi sông. Đó là một việc làm đáng khâm phục, và xứng đáng được sử sách lưu truyền muôn đời.

Sự kiện vua Lý Anh Tông trực tiếp đi tuần tra các hải đảo, khẳng định rằng lãnh thổ trên đất liền, cũng như vùng lãnh hải ngoài khơi xa là một bộ phận hợp thành khắng khít, không thể thiếu của đất nước Đại Việt, mà không một thế lực nào có thể xâm phạm. Tinh thần này, khiến chúng ta liên tưởng đến những câu thơ hùng hồn khẳng định chủ quyền quốc gia trong bài *Nam Quốc Sơn Hà*, bài thơ ra đời trong bối cảnh quân dân nước Đại Việt đang một lòng kháng chiến chống quân Tống xâm lược năm 1077: “Sông núi nước Nam vua Nam ở/ Rành rành định phận tại sách trời/ Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm/ Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời”.

Sau khi vua Lý Anh Tông đi tuần tra các hải đảo, thì một năm sau, năm 1172, nhà vua lại trực tiếp đi tuần tra các vùng biển đảo, và cụ thể hóa thêm một bước nữa, đó là vẽ bản đồ cương giới các vùng biển đảo (“Năm Nhâm Thìn, niên hiệu Chính Long Bảo Ứng thứ 10 (1172). Mùa xuân, tháng 2,

vua lại đi tuần các hải đảo ở địa giới các phiên bang Nam Bắc, vẽ bản đồ và ghi chép phong vật rồi về”) [3, tr.325].

Những việc làm của vua Lý Anh Tông nói riêng và vương triều Lý nói chung cho thấy một ý thức sâu sắc mang tính chiến lược của vương triều này về lãnh thổ chủ quyền của quốc gia Đại Việt. Năm 1172, ngoài việc đi tuần, nhà vua đã cho vẽ bản đồ và ghi chép phong vật ở những vùng biển đảo đã đến. Đứng trên phương diện luật pháp và quản lý nhà nước, việc làm này của vua Lý Anh Tông càng cho thấy lịch sử xác lập và quản lý vùng lãnh hải của Việt Nam trong lịch sử đã có cách ngày nay hàng nghìn năm. Công việc biên chép, vẽ bản đồ luôn được đánh giá cao trong nhiệm vụ quản lý lãnh thổ nói chung và lãnh hải nói riêng, đó là cơ sở dữ liệu lịch sử và cơ sở pháp lý quan trọng để chứng minh cho một vương triều, một quốc gia đã xác lập chủ quyền và quản lý vùng đất mình có. Sau này các chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn cũng thực thi vai trò của nhà nước đối với các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nói riêng và các vùng lãnh hải nói chung. “Các đời chúa [Nguyễn] đặt đội Hoàng Sa 70 người, người làng An Vĩnh thay phiên nhau đi lấy những hải vật. Hằng năm cứ đến tháng 3, khi nhận được mệnh lệnh sai đi, phải đem đủ 6 tháng lương, chở 5 chiếc thuyền nhỏ ra biển, 3 ngày 3 đêm mới đến đảo ấy [...]. Đến tháng 8 thì đội ấy lại về, vào cửa Yêu Môn (có tên là Yêu Lục, tức cửa Thuận An) đến Thành Phú Xuân, đưa nộp” [1, tr.197]. “Quý Ty, năm Minh Mạng thứ 14 (1833), mùa thu, tháng 8. Vua bảo Bộ công rằng: Trong hải phận Quảng Ngãi, có một dải Hoàng Sa, xa trông trời nước một màu, không phân biệt được nông hay sâu. Gần đây, thuyền buôn thường [mắc cạn] bị hại! Nay nên dự bị thuyền mạnh, đến sang

năm sẽ phái người tới đó dựng miếu, lập bia, và trồng nhiều cây cối. Ngày sau, cây cối to lớn xanh tốt, người dễ nhận biết, ngõ hầu tránh khỏi được nạn mắc cạn. Đó cũng là việc lợi muôn đời vậy” [6, tr.743].

Trở lại với vương triều Lý, công việc vẽ bản đồ ở đây bao gồm các nội dung, như: ghi chú số lượng các đảo lớn, đảo nhỏ, các cửa sông, vị trí giáp giới theo phương Đông - Tây - Nam - Bắc, ghi chép phong vật (mực nước biển, chu kỳ lên xuống của thủy triều, các nguồn tài nguyên biển, cảnh quan môi trường và cư dân sinh sống ở đó). Sự kết hợp giữa việc vẽ bản đồ và ghi chép phong vật các vùng biển đảo càng làm tăng thêm tính giá trị của việc thực thi quyền quản lý nhà nước đối với vùng lãnh hải.

Kỹ thuật vẽ bản đồ từ thời Lý kém xa so với ngày nay, vì công nghệ của xã hội hiện đại cho phép chúng ta vẽ bản đồ với độ chính xác cao, thể hiện đầy đủ các thông số khoa học trên đó. Ngày nay, cho dù nguồn tư liệu bản đồ dưới thời Lý như sử sách đã chép không còn nữa, nhưng không vì thế mà chúng ta xem nhẹ giá trị hay những nỗ lực mà vương triều Lý [4, tr.4] đã cố gắng trong việc phác họa hình hài, giới phận lãnh hải của đất nước, mà đó là cơ sở, là động lực để khi vương triều Trần lên nắm quyền tiếp tục phát huy giá trị đó.

3. Bảo vệ chủ quyền lãnh hải dưới vương triều Trần

Nước Đại Việt dưới vương triều Trần, mặc dù thư tịch cổ còn lại không nhiều để giúp chúng ta nhận thức đầy đủ về cương giới lãnh hải và các hoạt động quản lý của nhà nước trung ương, nhưng tư duy hướng biển, ý thức về biển, về lãnh hải của triều Trần vẫn được kế tục từ những thành quả mà nhà Lý gây dựng.

Trước hết, xuất phát từ tình hình thực tế của đất nước, với sự đe dọa thường xuyên

đến an ninh quốc gia bởi giặc Mông - Nguyên từ phương bắc kéo xuống và các tiểu quốc thường xuyên gây rối ở biên giới phía nam, vương triều Trần trong suốt thời gian trị vì đất nước phải tiến hành 3 cuộc kháng chiến thần thánh vĩ đại đánh tan quân xâm lược Mông - Nguyên (vào các năm: 1258, 1285 và 1288), ngoài ra còn phải kể tới các cuộc chinh phạt làm yên biên giới phía nam.

Trước sức mạnh của quân Mông - Nguyên đến xâm lược Đại Việt, năm 1284, Trần Hưng Đạo điều quân dân các lộ Hải Đông, Vân Trà, Ba Điểm (vùng Hải Dương hiện nay), chọn những người dũng cảm làm tiên phong, vượt biển vào Nam.

Đến năm Ất Dậu, niên hiệu Thiệu Bảo thứ 7 (1285), sách sử chép vào tháng 3, các vua nhà Trần đã bỏ thuyền đi bộ đến Thuỷ Chú (vùng Quảng Ninh ngày nay), lấy thuyền ra sông Nam Triệu (vùng Hải Phòng ngày nay) vượt biển Đại Bàng (vùng Hải Phòng ngày nay) vào Thanh Hóa.

So với vương triều Lý trước đó, vương triều Trần sau này phải đối mặt với nguy cơ xâm lược của các thế lực đến từ phương bắc mạnh hơn và nguy hiểm hơn, đồng nghĩa với đó là các đợt chống trả của quân dân Đại Việt cũng quy mô hơn và trường kỳ hơn. Chính vì vậy, nhiệm vụ bảo vệ an ninh chủ quyền lãnh hải cũng được lồng ghép vào các cuộc đánh trả, các cuộc tập trận hay những tính toán chiến lược phòng thủ quốc gia trước khi có giặc ngoại xâm đến. Thời kỳ này, quan quân nhà Trần thường xuyên phải có những cuộc tiến hoặc lui diễn ra trên sông, trên biển để bảo toàn lực lượng. Hơn nữa, nhà Trần thường xuyên có những cuộc viễn chinh bằng sức mạnh thủy quân trên biển tiến xuống các quốc gia láng giềng ở phương nam, tương đương với địa phận các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình

Định hiện nay để thực hiện nhiệm vụ chính trị. Trong hoàn cảnh đó, thủy quân kết hợp với tuần tra và làm chủ tuyến đường giao thông trên biển theo hướng bắc - nam là hoàn toàn có cơ sở.

Trên phương diện tăng cường sức mạnh quân đội, nhà Trần cũng đã nhiều lần xuống chiếu để đốc thúc việc đóng thuyền, sửa soạn quân trang tham gia vào việc gìn giữ an ninh chủ quyền quốc gia.

Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: “Quý Ty, niên hiệu Thiệu Phong năm thứ 13 (1353). Mùa xuân, tháng giêng, nhà Trần cho các vương hầu đóng thuyền chiến, chế tạo vũ khí, luyện tập binh sĩ” [2, tr.133]. Đến năm Giáp Thìn, niên hiệu Đại Trị thứ 7 (1364), nhà Trần chọn hoàng nam trong nước, định 3 bậc quân ngũ, sửa soạn thuyền chiến và vũ khí để phòng việc biên cương.

Cũng với tinh thần đó, năm Mậu Ngọ, niên hiệu Xương Phù thứ 2 (1378), nhà Trần cho các quân chế tạo vũ khí và thuyền chiến [2, tr.164]. Như vậy, ba sự kiện nêu trên cho thấy, nhà Trần thường xuyên có những biện pháp cụ thể để tăng cường an ninh quốc gia và sức mạnh quân đội, việc đóng và sửa soạn thuyền chiến chắc chắn sẽ tham gia các hoạt động phô diễn sức mạnh quân đội trên vùng sông nước, trong đó bao gồm cả không gian lãnh hải.

Tư duy hướng biển và phòng thủ biển đảo dưới thời Trần đã được nhà nước trung ương cụ thể hóa bằng mô hình Vân Đồn. Vân Đồn (thuộc Quảng Ninh hiện nay) được ví như một hình thức phòng thủ đất nước từ xa, không gian và địa điểm ở đây không phải là trên đất liền mà là trên biển. Vân Đồn dưới thời Trần là một tiền tiêu của đất nước, là nơi quan yếu, giặc Phương Bắc muốn vào Đại Việt bằng đường thủy đều phải đi theo hướng này, hơn nữa, Vân Đồn khi đó còn là một thương cảng quốc tế của

Đại Việt, nơi thu hút các thương lái từ Thái Lan, Indonesia cùng các nước trong khu vực đến trao đổi hàng hóa. Nhà Trần đã nhận thức sâu sắc được vị thế của Vân Đồn đối với việc giữ gìn an ninh đất nước, nên đã cử tướng Trần Khánh Dư trấn giữ ở đây. Hơn nữa, để lường trước việc người ngoại quốc xâm nhập sâu vào nội địa, nhà Trần chủ trương phát triển Vân Đồn thành một thương cảng quốc tế, kiêm chức năng quân cảng, để việc trao đổi hàng hóa diễn ra ở xa vùng nội địa, không ảnh hưởng tới các hoạt động khác trong đất liền. “Cũng cần phải nói thêm là vào cuối thế kỷ XIII, quy mô của Vân Đồn có nhiều thay đổi so với thời Lý. Vùng thương cảng không còn là một đơn vị hành chính cấp trang như thời Lý Anh Tông nữa mà đã được mở rộng thành nhiều trang (với Chư trang quân). Đây chính là cơ sở để sau đó, năm 1349, vua Trần Dụ Tông quyết định nâng trang Vân Đồn lên thành trấn. Tương ứng với trấn Vân Đồn có một quân, tức 30 đô, mỗi đô 80 người tức tương đương khoảng 2.400 binh sĩ” [5, tr.234].

Sách sử đã chép, năm 1287, Trần Khánh Dư ra lệnh: “Quân trấn giữ Vân Đồn là để ngăn phòng giặc Hồ (chỉ giặc Phương Bắc)”. Theo thời gian, nhà Trần đã từng bước xây dựng Vân Đồn trở thành một địa điểm phòng thủ đất nước từ xa ở trên biển, qua đó góp phần vào chiến lược bảo vệ đất nước nói chung. Năm Mậu Tý, niên hiệu Thiệu Phong thứ 8 (1348), thuyền buôn nước Đồ Bò (chưa rõ là nước nào) đến hải trang Vân Đồn ngầm mua ngọc trai. Nhiều người Vân Đồn mò trộm ngọc trai bán cho họ. Chuyện này bị phát giác, họ đều bị tội cả. Tiếp đó, đến năm Kỷ Sửu (1349), nhà Trần “đặt quan trấn, quan lộ và sát hải sứ ở trấn Vân Đồn, lại đặt quân Bình Hải để trấn giữ”.

Vân Đồn từ chỗ chỉ là một đảo tự nhiên nằm giữa vịnh Bắc Bộ, chưa được chú trọng khai thác về mặt kinh tế, đảm bảo an ninh quốc phòng và tổ chức về mặt hành chính, thì dưới vương triều Trần, Vân Đồn đã được nhà nước trung ương triệt để khai thác, bằng việc nâng tầm lên thành một vị trí tiên tiêu về mặt quốc phòng và nâng cấp ở mức độ tổ chức hành chính, là địa điểm trao đổi hàng hóa mang tầm quốc tế. Đồng thời nhà Trần đã cắt đặt các chức quan để thực thi nhiệm vụ quản lý hành chính đối với Vân Đồn. Đây là một bước tiến về mặt tư duy hướng biển của nhà Trần. Trong bối cảnh cách chúng ta ngày nay hơn 600 năm, nước Đại Việt đã xuất hiện một dạng thức phòng thủ xa bờ; đó là một tầm nhìn xa trông rộng.

4. Kết luận

Hai vương triều Lý, Trần đã khai mở và kế tiếp nhau trong việc xây dựng chế độ quân chủ trong lịch sử Việt Nam; đã có ý thức từ rất sớm trong việc xác lập và quản lý chủ quyền lãnh hải, bên cạnh việc ra sức xây dựng và quản lý đất nước trên các khía cạnh như: hoàn thiện bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương, tổ chức quân đội, phát triển văn hóa, giáo dục, gìn giữ biên cương trên đất liền... Hai vương triều Lý, Trần đã có những việc làm cụ thể trong chính sách hướng biển, đó là việc đóng nhiều tàu thuyền để tham gia vào công tác tuần tra trên biển; nhà vua đích thân hoặc cử tướng lĩnh tham gia vào các cuộc tuần hành, kiểm tra, thị uy trên các vùng lãnh hải mà mình đang quản lý. Nếu như vương triều Lý nổi bật với việc vua đi tuần tra và cho vẽ bản đồ những vùng biển mà nhà vua đã đến, thì vương triều Trần đã thành lập trấn Vân Đồn để phát triển nơi đây thành điểm tiên tiêu với chức năng phòng thủ xa bờ. Ngày nay, khi nhìn nhận về tư duy hướng biển của nhân loại

trên thế giới cũng như trong lịch sử Việt Nam, thì việc hai vương triều Lý, Trần đã thực thi và xác lập chủ quyền lãnh hải cách ngày nay trên dưới 1.000 năm là một việc làm mang tầm chiến lược nhìn xa trông rộng. Đây cũng là một truyền thống để các triều đại sau này tiếp tục phát huy tư duy hướng biển và cụ thể hóa bằng những việc làm cụ thể và toàn diện hơn.

Tài liệu tham khảo

- [1] Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều hiến chương loại chí* (bản dịch), t.1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [2] *Đại Việt sử ký toàn thư* (1993), t.1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [3] *Đại Việt sử ký toàn thư* (1998), t.2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4] Đánh giá về những cố gắng của vương triều Lý, Nguyễn Quang Ngọc cho biết: “Trong thời kỳ trị vì của Lý Anh Tông, toàn vẹn lãnh thổ và lãnh hải của đất nước được giữ vững, vị thế của quốc gia Đại Việt, của vương triều Lý được đề cao”. Xem: Nguyễn Quang Ngọc (2011) “Vua Lý Anh Tông, chiến lược biển và hành dinh trại Yên Hưng”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 1.
- [5] Nguyễn Văn Kim (2014), *Vân Đồn thương cảng quốc tế của Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. Thời nhà Lý, Vân Đồn chỉ được đặt là trang: “Kỷ Ty, Đại Định năm thứ 10 (1149). Mùa xuân, tháng 2, thuyền buôn ba nước Trảo Oa, Lộ Lạc, Xiêm La vào Hải Đông, xin cư trú buôn bán, bèn cho lập trang ở nơi hải đảo, gọi là Vân Đồn (Đ-D-H nhấn mạnh), để mua bán hàng hoá quý, dâng tiến sản vật địa phương”. Xem (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, t.1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [6] Quốc Sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, t.3, Nxb, Giáo dục, Hà Nội.

